TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 8 - 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quý

Ông Quách Hà Vính

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ph; sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn Tượng Sơn 3, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị L; Trợ giúp viên pháp lý, chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 08, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn Q; sinh năm: 1969; nơi cư trú: Thôn Tượng Sơn 3, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị Ph, bà L; vắng mặt anh Q. Anh Q vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2018 và tại bản tự khai ngày 06/6/2018, chị Nguyễn Thị Ph trình bày: Chị và anh Bùi Văn Q kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 16/12/2002 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 04 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không

hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặt khác, anh Q lại thường xuyên uống rượu say, mỗi lần như thế lại chửi bới và đã có lần đánh đập chị. Vì con chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Không chịu được cuộc sống như vậy nên vợ chồng đã sống ly thân 02 năm nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Văn T, sinh ngày 28/8/2003. Hiện cháu đang ở với anh Q. Nếu ly hôn, chị giao cháu T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 05 năm 2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai, chị Ph thay đổi mức cấp dưỡng nuôi cháu T, chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng). Tại phiên toà, chị Ph yêu cầu cấp dưỡng từ tháng 08 năm 2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Ph không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng thống nhất quan điểm của chị Ph: Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên chị Ph xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Q được nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh Q đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Q không đến, thiếu sự hợp tác, chứng tỏ anh Q không thiết tha gì đến cuộc sống hôn nhân. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Ph được ly hôn anh Q.

Về con cái: Hiện cháu T đang ở với anh Q. Cháu cũng có nguyện vọng muốn được ở với bố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố chỗ ở, học tập, điều kiện phát triển về tinh thần, thể chất, nguyện vọng của cháu để giao cháu cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ph cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 08 năm 2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Bùi Văn Q để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Ph nhưng anh Q không có mặt nên không có lời khai của anh Q và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Bùi Văn Q không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Q theo quy định tại khoản 3 điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Anh Q đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai

lần nhưng anh Q đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS. Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh Q lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh Q vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Bùi Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2002 tại UBND xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân đã 02 năm, không ai quan tâm tới ai, vấn đề này cũng đã được UBND xã Thạch Tượng xác nhận. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh Q lên làm việc để anh Q được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh Q đều không có mặt, thể hiện anh Q không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị Ph, anh Q đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cũng tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Ph được ly hôn anh Q. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Ph được ly hôn anh Q.

[3] Về con cái: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Bùi Văn Q có 01 con chung là cháu Bùi Văn T, sinh ngày 28/8/2003. Xét thấy, hiện tại cháu T đang ở cùng anh Q, cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ cháu ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu T, cũng như ý kiến của chị Ph và của của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Ph, nghĩ nên giao cháu T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ph đang trong độ tuổi lao động và có thu nhập nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, xét yêu cầu của chị Ph là hợp lý, nên buộc chị Ph cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 08 năm 2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Chị Ph không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn anh Bùi Văn Q.

Về con cái: Giao cháu Bùi Văn T, sinh ngày 28/8/2003 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ph cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 08 năm 2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Chị Ph có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Từ khi anh Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng chị Ph còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2015/0002322 ngày 28/5/2018. Chị Ph còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Ph, bà L, vắng mặt anh Q. Chị Ph có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạch Tượng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Anh Đức